BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82/2022/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

THÔNG TƯ
Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Nghị định số 120/2021/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với:

a) Các khoản hỗ trợ có mục đích, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc các khoản hỗ trợ mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính đã có thỏa thuận. Trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về nội dung, mức chi thì áp dụng theo nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này;

b) Chính sách hỗ trợ vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây viết tắt là Nghị định số 61/2015/NĐ-CP); Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và quy định pháp luật có liên quan;

c) Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với người được giáo dục khi tiếp tục đi học ở các bậc học phổ thông tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP.

2. Người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính) và Điều 5 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện các hoạt động trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Điều 4. Nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Chi xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn:

a) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, cước phí bưu chính, in ấn tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho công tác lập hồ sơ: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chi công tác phí cho cán bộ đi xác minh, thu thập tài liệu để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây gọi tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC).

2. Chi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể và xác định tình trạng nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế:

a) Mức chi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể căn cứ vào hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Mức chi xét nghiệm tình trạng nghiện ma túy theo giá dịch vụ y tế do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở công lập đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi tổ chức cuộc họp tư vấn để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn:

a) Thành viên tham dự theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP: 50.000 đồng/người/buổi họp;

b) Chi giải khát giữa giờ cho người tham dự theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

4. Chi chuyển giao đối tượng về nơi cư trú hoặc đến cơ sở bảo trợ xã hội:

a) Chi hỗ trợ cho đối tượng trong thời gian đi đường:

- Tiền ăn 70.000 đồng/ngày/người, tối đa không quá 03 (ba) ngày;

- Tiền thuê phòng nghỉ (nếu có) theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

b) Chi tiền tàu xe hoặc thuê phương tiện vận chuyển đưa đối tượng về nơi cư trú hoặc đến cơ sở bảo trợ xã hội:

- Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương;

- Trường hợp bố trí bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm vận chuyển. Trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận, phù hợp với giá cả trên địa bàn tại thời điểm thuê. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về việc quyết định bố trí phương tiện, thuê xe bên ngoài đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

c) Chi công tác phí cho người được giao nhiệm vụ chuyển giao đối tượng: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

5. Chi tổ chức quản lý đối với trường hợp người từ đủ 18 tuổi trở lên có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều này.

6. Chi tổ chức giáo dục, quản lý người chưa thành niên tại cơ sở bảo trợ xã hội:

a) Chi chăm sóc, nuôi dưỡng, hỗ trợ học văn hóa, hướng nghiệp, dạy nghề, hỗ trợ tìm việc làm của người chưa thành niên tại cơ sở bảo trợ xã hội: Áp dụng nội dung và mức chi của đối tượng bảo trợ xã hội được nuôi dưỡng, chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội theo quy định của địa phương;

b) Các khoản chi theo quy định tại các khoản 7, 8, 9, 11 và 12 Điều này.

7. Chi hỗ trợ cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP: Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 50 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, đảm bảo không thấp hơn mức tối thiểu là 360.000 đồng/tháng/người theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP.

8. Chi cho công tác quản lý việc thi hành pháp luật về áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (văn phòng phẩm, sổ sách, trang thiết bị phục vụ việc theo dõi, thống kê, lập danh sách, quản lý hồ sơ người áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn): Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

9. Chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo các nội dung quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP: Nội dung và mức chi theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

10. Chi hỗ trợ người được giáo dục chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng (sau đây viết tắt là Thông tư số 152/2016/TT-BTC) và Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC.

11. Chi tổ chức cho người được giáo dục tham gia các hoạt động công ích tại cộng đồng với hình thức phù hợp: Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

12. Chi tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục cho người được phân công giúp đỡ theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP: Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Riêng chi xây dựng, biên soạn tài liệu trong một số trường hợp đặc thù thực hiện như sau:

a) Xây dựng, biên soạn tài liệu phục vụ các lớp đào tạo bồi dưỡng, tập huấn có thời gian dưới 05 ngày:

- Tiền công viết tài liệu: 70.000 đồng/trang chuẩn (trang A4, thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định hiện hành đối với văn bản hành chính);

- Tiền công sửa chữa, biên tập tổng thể: 40.000 đồng/trang chuẩn;

- Tiền công thẩm định và nhận xét: 30.000 đồng/trang chuẩn;

b) Trường hợp xây dựng, biên soạn tài liệu bằng tiếng dân tộc thiểu số, mức chi cao hơn 30% so với các mức chi nêu tại điểm a khoản này.

13. Trường hợp trên thực tế phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định tại các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương theo quy định tại Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

2. Thông tư số 193/2014/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Thành Hưng